TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT
Ngày: 05/3/2020
V/v Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Thanh Tân- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLPT-DS ngày 10/12/2019, về *"Tranh chấp yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 166/2019/QĐ-PT ngày 31/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Trương Thị C: Luật sư Trương Quang Tín–Văn phòng Luật sư Quang Tín, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1981.

- Chị Lê Thị Thu Đ1, sinh năm 1981.

- Chị Mai Thị Ánh T1, sinh năm 1987.

- Chị Mai Thị Thanh T2, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn Đ.

(Tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị T, bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ, chị Mai Thị Thanh T2, Luật sư Trương Quang Tín có mặt; chị Lê Thị Thu Đ1, chị Mai Thị Ánh T1 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Trước năm 1975, vì là anh em nên hộ gia đình bà với hộ ông Mai Văn B (chồng của bà Trương Thị C) và hộ ông Mai Văn M cùng sử dụng chung một diện tích đất tại Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Sau năm 1975, hộ bà và hộ của ông B, ông M tự chia diện tích đất nêu trên để sử dụng. Đến năm 1997, hộ bà được cấp quyền sử dụng đối với thửa đất số 979, tờ bản đồ số 3, diện tích 420m^2 tại Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1998, hộ ông Mai Văn B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 980, tờ bản đồ số 3, diện tích 520m^2 tại Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Đến năm 2014, theo dự án VLap, thửa đất số 979 của hộ bà được đổi thành thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26 diện tích 365,2m^2 tại Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất số 980 của hộ Mai Văn B được đổi thành thửa đất số 105, tờ bản đồ số 26, diện tích 476,8m^2 tại Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, cấp cho hộ bà Trương Thị C (vì ông B đã chết).

Trước kia bà có trồng một hàng rào cây bòng tây và cây dâm bụt để làm ranh giới giữa hai thửa đất. Nhưng bà chỉ trồng khoảng 1/3 chiều dài của ranh giới về phía Nam của hai thửa đất ở phía trước sân nhà của bà và bà C, phần còn lại là sát vách nhà của ông B, bà C và tiếp đến là vườn sau nên bà không trồng hàng rào. Khi còn sống thì ông Cư (chồng của bà) có trồng một cây mít sát đường ranh giới giữa thửa đất của hộ bà và hộ bà C, một cây mít trồng gần nhà vệ sinh của gia đình bà. Gia đình bà và gia đình bà C, ông M vẫn hái trái mít sử dụng chung.

Đầu năm 2018, khi bà xây tường rào thì bà và Ban thôn N có bảo anh Mai Văn Đ chặt hai cây mít và hai cây sanh (cây sanh do anh Đ trồng) để bà xây tường rào cho khỏi vướng, thì anh Đ đã chặt hai cây sanh và một cây mít bị cụt ngọn ở gần nhà vệ sinh, còn một cây mít sát ở đường ranh giới giữa thửa đất số 106 và thửa đất số 105 anh Đ nói để anh đi mượn cưa máy về cưa, chứ cây to chặt khó quá. Nhưng sau này anh Đ lại không chặt cây mít này nữa nên hiện cây mít này vẫn còn.

Vào đầu năm 2018, bà tiến hành chặt bỏ hàng rào cây bòng tây và cây dâm bụt để chôn trụ bê tông xi măng, kéo lưới B40 làm ranh giới giữa thửa đất 106 của hộ bà và thửa đất số 105 của hộ bà C. Ở ranh giới phía Nam hai thửa đất, bà đã chôn được 04 cây trụ bê tông xi măng với chiều dài khoảng 7m trên đất của bà, đúng ranh giới giữa thửa đất số 105 và thửa đất số 106. Khi bà tiến hành xác định mốc giới ở phía Bắc của hai thửa đất để chôn trụ bê tông thì bà C ra ngăn cản, nên bà đã báo Ban Thôn N, xã H. Khi Ban thôn N xã H đến phân tích, hòa giải xong, thì anh Mai Văn Đ và một người thợ xây của bà đã dùng thước đo cạnh phía Bắc thửa đất số 106 theo số đo trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là 10,36m và cùng nhau chôn một trụ bê tông xi măng làm mốc để bà làm hàng rào, trước sự chứng kiến của bà và bà C.

Vì cận Tết nguyên đán nên bà cho thợ nghỉ ăn Tết. Sau Tết nguyên đán 2018 bà thuê 04 người thợ xây đến tiếp tục chôn trụ bê tông xi măng để làm tường rào theo mốc ranh giới mà hộ bà và hộ bà C đã thống nhất, nhưng bà C lại ngăn cản không cho thợ xây của bà làm, đồng thời bà C và anh Đ đã xô ngã, gãy của bà hai trụ bê tông xi măng ở đường ranh giới về phía Nam thửa đất số 105 và thửa đất số 106, gây thiệt hại của bà 06 bao xi măng (bà mua về nhưng không làm được nên để bị hư hỏng), 04 ngày công thợ xây và 02 trụ bê tông xi măng.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, để bà tiếp tục xây dựng tường rào ranh giới giữa thửa đất số 106 của hộ bà và thửa đất số 105 của hộ bà C.

- Buộc bà C và anh Đ phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà với tổng số tiền là 1.792.000 đồng, cụ thể là: Thiệt hại về 06 bao xi măng x 82.000 đồng/bao = 492.000 đồng, thiệt hại 02 trụ bê tông xi măng x 150.000 đồng/trụ = 300.000 đồng, thiệt hại 04 ngày công thợ x 250.000 đồng/ngày công = 1.000.000 đồng.

Đồng thời bà yêu cầu bà C và anh Đ phải hoàn trả lại cho bà số tiền bà đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết 7.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trương Thị C trình bày:

Tại các tài liệu có trong hồ sơ, bà công nhận việc bà T chôn 04 trụ bê tông xi măng ở ranh giới giữa thửa đất số 105 (hộ bà) và thửa đất số 106 (hộ bà T) về phía Nam là đúng ranh giới nhưng bà có xô ngã, gãy 02 cây trụ bê tông xi măng trong số 04 trụ bê tông xi măng nêu trên của bà T, lý do bà xô ngã, gãy 02 trụ bê tông này là vì 02 cây trụ này nằm gần đường bê tông, bà xô ngã, gãy 02 trụ bê tông để mọi người và cán bộ thôn nhìn thấy mới can thiệp, giải quyết.

Lý do bà ngăn cản không cho bà T chôn trụ bê tông, xây tường rào tiếp là do bà T chôn hàng trụ bê tông ở ranh giới về phía Bắc của thửa đất số 106 (hộ bà T) lấn sang đất thửa đất số 105 của hộ bà.

Nhưng tại phiên tòa bà khai nhận trong số 04 trụ bê tông xi măng mà bà T đã chôn ở ranh giới giữa thửa đất số 105 (hộ bà) và thửa đất số 106 (hộ bà T) về phía Nam thì chỉ có trụ bê tông đầu tiên là đúng ranh giới.

Bà thừa nhận sau khi Ban thôn N đến giải quyết thì anh Đ có cùng với một người thợ xây của bà T đã dùng thước đo cạnh phía Bắc thửa đất của hộ bà T theo số đo trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà hộ bà T được cấp, sau đó anh Đ và ông thợ xây này đã chôn một trụ bê tông để làm điểm mốc giới phía Bắc của thửa đất số 105 và 106, có sự chứng kiến của bà và bà T (là trụ bê tông thứ 06 tính từ mép đường bê tông đi vào xóm và đi vào nhà ông Mai Văn M kéo về phía đất thửa 105 của bà). Một thời gian sau, khi bà T tiếp tục cho thợ chôn trụ bê tông xi măng để xây tường rào thì bà nhận thấy lấn sang đất của bà nên bà cản trở không cho bà T và thợ làm nữa.

Theo bà, cây mít hiện còn sống và cây mít mà anh Đ đã chặt vào đầu năm 2018 là cây mít do ông Mai Văn B (chồng của bà) trồng, nên đường ranh giới giữa hai thửa đất phải cong về phía thửa đất hộ bà T, nằm trên gốc cây mít đã chặt và nằm cách trụ bê tông anh Đ đã chôn khoảng hơn một mét về phía đất hộ bà T, chính là điểm mà bà đã chỉ khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ.

Nay bà T yêu cầu bà phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật thì bà không đồng ý, nếu bà T xây tường rào sát vách nhà của bà T thì bà sẽ không cản trở nữa, còn bà T xây tường rào lấn sang đất của hộ bà thì bà sẽ cản trở. Bà T yêu cầu bà và anh Đ bồi thường thiệt hại về tài sản thì bà không đồng ý vì bà đã nói với bà T là để giải quyết rõ ràng rồi hãy xây nhưng bà T cứ cố tình xây tường rào nên bà xô ngã, gãy 02 trụ bê tông của bà T và cản trở không cho chôn trụ bê tông, xây tường rào nữa là đúng.

Theo bà thì bà T chôn trụ bê tông có lấn sang đất của hộ bà nhưng bà không biết cụ thể bà T lấn của bà bao nhiêu đất. Tòa án đã thông báo cho bà làm thủ tục phản tố về việc bà T lấn đất của hộ bà nhưng bà không thực hiện, vì hiện nay bà chưa có nhu cầu giải quyết.

Bà T yêu cầu bà và anh Đ phải hoàn trả lại cho bà T số tiền bà T đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Văn Đ trình bày ý kiến:

Anh thừa nhận về việc bà T xây tường rào nhưng anh và bà C cản trở như bà T và bà C đã trình bày. Vào tháng 02 năm 2018 trước khi bà T xây tường rào thì bà T có bảo anh chặt một cây mít và hai cây sanh để bà T chôn trụ bê tông xi măng nên anh đã chặt. Nhưng do bà T chôn trụ bê tông lấn sang đất của hộ bà C nên bà C và anh không đồng ý, vì vậy bà C và anh đã xô ngã gãy của bà T 02 trụ bê tông và cản trở không cho thợ xây chôn trụ làm tường rào tiếp.

Anh thừa nhận trong tổng số các trụ bê tông mà bà T đã chôn ở ranh giới giữa thửa đất số 105 và 106 thì có 04 trụ bê tông bà T đã chôn đúng ranh giới giữa hai thửa đất, đó là 04 trụ bê tông chôn ở ranh giới phía Nam giữa 2 thửa đất (giáp

đường bê tông đi vào nhà ông N), trong đó có 02 trụ bê tông đã bị bà C và anh xô ngã. Các trụ bê tông còn lại bà T chôn lấn sang đất của hộ bà C.

Sau khi cán bộ thôn N phân tích, khuyên nhủ thì anh và một người thợ xây của bà T có lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm căn cứ để đo đạc lại cạnh của hai thửa đất và cùng nhau chôn một trụ bê tông trên tường rào mà bà T đã xây giáp với đất của ông Mai Văn M và gần cây mít còn sống để làm mốc ranh giới giữa thửa đất số 105 và 106 (cây trụ thứ 06 tính từ đường bê tông đi vào xóm và đi vào nhà ông M), có sự chứng kiến của bà T và bà C.

Một thời gian sau, anh phát dọn cây bụi rậm phía sau nhà thì anh nhận thấy nếu lấy mốc ranh giới phía Bắc của hai thửa đất là trụ bê tông thứ 06 mà anh và người thợ xây đã chôn kéo thẳng về cột mốc phía Nam hai thửa đất thì sẽ lấn sang đất của bà C, vì vậy sau này bà T cho thợ chôn các trụ bê tông tiếp theo kéo từ trụ bê tông điểm mốc phía Bắc mà anh đã chôn về cột mốc phía Nam, thì anh và bà C không đồng ý để cho bà T tiếp tục chôn trụ xây tường rào nữa.

Nay bà T yêu cầu anh phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật thì anh không đồng ý vì bà T xây tường rào lấn sang đất của hộ bà C, anh là con của bà C nên anh cản trở. Còn bà T yêu cầu anh cùng bà C bồi thường thiệt hại về tài sản thì anh không đồng ý vì bà T xây tường rào lấn sang đất của hộ bà C nên việc anh và bà C xô ngã, gãy 02 trụ bê tông là đúng.

Bà T yêu cầu anh và bà C phải hoàn trả số tiền bà T đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thì anh không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thu Đ1 trình bày:

Chị là vợ của anh Mai Văn Đ và là con dâu của bà Trương Thị C từ năm 2011 đến nay. Đầu năm 2018, anh Đ có chặt cây mít và cây sanh để bà T chôn trụ xây tường rào, nhưng do bà T làm tường rào lấn sang đất của bà C nên bà C và anh Đ có ngăn cản, khi xảy ra mâu thuẫn thì chị có can ngăn để bà T khỏi xô xát với bà C chứ chị không ngăn cản bà T xây tường rào và không gây thiệt hại về tài sản cho bà T. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T không được xây tường rào lấn sang đất của hộ bà C, còn việc bà T yêu cầu bà C và anh Đ phải bồi thường thiệt hại thì chị không có ý kiến gì vì chị không gây thiệt hại cho bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Ánh T1 trình bày:

Chị là con của bà T, có tên trong sổ hộ khẩu, nhưng chị đã đi lấy chồng và không còn chung sống, sử dụng thửa đất số 106 với bà T, nên mọi việc quyết định về thửa đất số 106 thuộc quyền của bà T. Vì vậy, việc bà T yêu cầu bà C và anh Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản thì Tòa án giải quyết buộc bà C và anh Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà T, chị không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Thanh T2 trình bày:

Chị là con của bà T, có tên trong sổ hộ khẩu, nhưng nguồn gốc đất là của bà T nên mọi vấn đề liên quan đến thửa đất số 106 thuộc quyền bà T quyết định. Vì vậy, bà T yêu cầu thì Tòa án giải quyết buộc bà C và anh Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà T, chị không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T, buộc bị đơn là bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02301 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2014, địa chỉ thửa đất: thôn N, xã Hành Thiện, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T, buộc bị đơn là bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị T với số tiền là 1.729.000 đồng (Một triệu, bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng), cụ thể: Bà Trương Thị C phải bồi thường số tiền 864.500 đồng (Tám trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm đồng), anh Mai Văn Đ phải bồi thường số tiền 864.500 đồng (Tám trăm sáu mươi bốn ngàn, năm trăm đồng).

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), cụ thể: Bà Trương Thị C hoàn trả 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng), anh Mai Văn Đ hoàn trả 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/9/2019, bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy bản án sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Phát biểu tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan vì chưa làm rõ ranh giới giữa hai bên nhưng đã chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Thực tế ranh giới hai bên đã có từ lâu, các cây mít, cây lồng mức, cây sanh đều của bên bà C trồng nhưng bà T không tranh chấp. Trong khi chờ các cơ quan chức năng giải quyết nhưng bà T chôn trụ bê tông lấn qua đất bà C nên bà C nhổ bỏ thì thiệt hại bà T phải chịu không thể buộc bà C chịu, chi phí tố tụng bên nguyên đơn cũng phải chịu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định ranh giới giữa hai bên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

+ Thửa đất 105 và 106 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ranh giới hai thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một đường thẳng và các cạnh đều có kích thước cụ thể. Sau khi được cấp giấy chứng nhận các bên đều không có khiếu nại về việc cấp giấy. Bà T có nhu cầu làm hàng rào ranh giới để ngăn cách với vườn của bà C (thửa 105), bà T làm hàng rào theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp, bà C ngăn cản không cho bà T làm, buộc bà T phải thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận là hành vi trái pháp luật. Bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bà C và anh Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà T là đúng pháp luật.

+ Về bồi thường thiệt hại: Do bà T thực hiện quyền sử dụng đất đúng pháp luật nhưng bà C và anh Đ xâm phạm đến tài sản làm thiệt hại cho bà T thì phải buộc bồi thường là đúng pháp luật. Tuy nhiên, cần xem xét thiệt hại cho hợp lý. Đối với 02 trụ bê tông bà C và anh Đ xô ngã không sử dụng lại được bà C và anh Đ thừa nhận bà T làm đúng ranh giới nên buộc phải bồi thường cho bà T là phù hợp. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm ngày 10/4/2019 thì xi măng bà T mua 06 bao, có 01 bao đã mở sử dụng ½ bao, còn 05 bao nguyên vẹn, như vậy bà T chỉ thiệt hại 01 bao, đối với 05 bao còn nguyên đang tranh chấp bà T vẫn có thể trả lại nhưng bà để lâu không sử dụng được thì bà phải tự chịu, bản án sơ thẩm buộc bà C, anh Đ phải bồi thường toàn bộ 06 bao là chưa phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại nội dung này. Về ngày công thiệt hại thì các ông Nguyễn Tấn Đ và Bạch Văn V đến làm cho bà T 02 ngày nhưng đều bị bà C và anh Đ cản trở nên không làm được, bà T đã trả cho hai ông mỗi ông 500.000đ trên 01 ngày công nên cấp sơ thẩm buộc bà C, anh Đ bồi thường cho bà T 04 ngày công thợ hồ là phù hợp.

+ Do chấp nhận yêu cầu của bà T buộc bà C, anh Đ chấp dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà T nên buộc bà C, anh Đ phải chịu chi phí tố tụng là phù hợp.

+ Bà C, anh Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm nhưng không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm như ý kiến trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên 03 anh em gồm Mai Văn B, Mai Văn C, Mai Văn M được cha mẹ để lại chung 01 thửa đất. Sau khi có gia đình thì mỗi người ở một vị trí trong vườn và 03 anh em tự phân chia để sinh sống, sau đó đăng ký, kê khai hình thành các thửa gồm thửa đất 1429, 979, 980 (bản đồ 299, đo vẽ năm 1998). Các hộ tự phân chia các thửa đất nhưng không làm hàng rào ranh giới mà chỉ trồng cây để phân định. Theo đăng ký kê khai Chỉ thị 299/TTg thì thửa 979 diện tích 420m^2 do

ông Mai Văn C đăng ký kê khai, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị T ngày 21/10/1997; Thửa 980, diện tích 520m^2 do ông Mai Văn B kê khai, được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/10/1998. Theo dự án VLAP (sau khi hai ông chết) thì thửa 980 thành thửa 105, tờ bản đồ số 26, diện tích 476,8m^2 cấp cho hộ bà Trương Thị C do UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014. Thửa 979 thành thửa 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m^2 được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị T ngày 31/12/2014. Ranh giới 02 thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là một đường thẳng, sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cả hai bên không có ý kiến hay khiếu nại về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về sử dụng trên thực tế thì giữa 02 thửa đất 105, 106 không làm hàng rào, chỉ trồng một số cây như cây mít, bòng tây, cây sanh thì hai bên đều khai bên mình trồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Các nhân chứng là hàng xóm của nguyên, bị đơn khai thời điểm hai bên chưa tranh chấp thì hai gia đình đều hái mít ăn.

Về ranh giới tranh chấp hiện nay thì đối với 02 trụ bê tông bà T chôn tại ranh giới về phía Nam thì bà C thừa nhận bà T xây đúng, còn các trụ bê tông khác thì bà C cho rằng bà T chôn lấn qua thửa đất 105 trong đó có trụ thứ 6 do anh Đ cùng ông Bạch Văn T là thợ của bà T cùng chôn. Theo đo đạc tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm, tính từ trụ thứ 6 thì cạnh phía Bắc của thửa 106 là 10,48m, tăng 0,12m; Cạnh phía Bắc của thửa 105 là 17,33m, tăng 0,63m. Như vậy, điểm làm ranh giới phía Bắc của 02 thửa tại trụ thứ 6 là hoàn toàn phù hợp, vì so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cạnh phía Bắc của 02 thửa đều tăng hơn (thửa 106 tăng 0,12m là tăng không đáng kể, thửa 105 tăng 0,63m là tăng đáng kể).

[2] Xét, giữa 02 thửa 105, 106 không có ranh giới phân biệt cụ thể, không có sự thỏa thuận của hai bên. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai bên không ý kiến, không khiếu nại về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án Vlap thì nguyên, bị đơn đều có đơn xin cấp đổi. Như vậy, hai bên đã có sự thừa nhận về ranh giới và có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định ranh giới giữa 02 thửa đất, căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015 thì ranh giới 02 thửa đất đã được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên cơ sở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa 106 thì bà Huỳnh Thị T được thực hiện các quyền của mình theo các quy định của Điều 190 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai năm 2013, bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ cản trở không cho bà T thực hiện quyền của mình là hành vi trái pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T là đúng pháp luật.

[3] Như nhận định trên [2], bà C, anh Đ có hành vi cản trở đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà T nên bà C, anh Đ gây thiệt hại về tài sản cho bà T

thì phải bồi thường cho bà T theo Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với tài sản bị xâm phạm. Tuy nhiên, cần xác định thiệt hại chính xác, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại về tài sản, cụ thể:

- Buộc bà C, anh Đ bồi thường 02 trụ bê tông là 300.000đ (150.000đ/trụ × 2).

- Buộc bà C, anh Đ bồi thường 01 bao xi măng là 82.0000đ.

- Buộc bà C, anh Đ bồi thường 04 ngày công thợ hồ là 1.000.000đ.

Tổng cộng là 1.382.000đ, bà C, anh Đ mỗi người phải bồi thường là 691.000đ cho bà T.

[4] Do buộc bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T, nên bà C, anh Đ phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Do bà T đã nộp đủ chi phí tố tụng là 7.000.000 đồng nên bà C, anh Đ phải hoàn trả lại cho bà T như bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[5] Bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được các căn cứ vi phạm tố tụng và việc thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm không đầy đủ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền của bị đơn, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà Trương Thị C, của anh Mai Văn Đ (chấp nhận một phần kháng cáo về bồi thường thiệt hại về tài sản). Tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên Toà phúc thẩm, bà C, anh Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ ranh giới giữa hai thửa đất và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định ranh giới hai thửa đất. Xét, tại cấp sơ thẩm không có yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất để xác định ranh giới, Toà án cấp sơ thẩm đã giải thích cho bà C có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không nhưng bà C không yêu cầu nên cấp phúc thẩm không giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Giữ nguyên án phí cấp sơ thẩm buộc bà C, anh Đ phải chịu. Ngoài ra, buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản (không chấp nhận bồi thường 05 bao xi măng).

- Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận**.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 169, Điều 170, Điều 190, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 10 Điều 12, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ về yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, về xác định ranh giới. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trương Thị C, anh Mai Văn Đ về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2019/DS-ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Buộc bị đơn là bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 26, diện tích 365,2m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 02301 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 31/12/2014, địa chỉ thửa đất: thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Buộc bị đơn là bà Trương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mai Văn Đ phải liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà Huỳnh Thị T với số tiền là 1.382.000 đồng (một triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn đồng). Cụ thể: Bà Trương Thị C phải bồi thường số tiền 691.000 đồng (sáu trăm chín mươi mốt ngàn đồng), anh Mai Văn Đ phải bồi thường số tiền 691.000 đồng (sáu trăm chín mươi mốt ngàn đồng).

4. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho bà Huỳnh Thị T số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), cụ thể: Bà Trương Thị C hoàn trả 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng), anh Mai Văn Đ hoàn trả 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ mỗi người phải chịu 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị C và anh Mai Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000đ theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004463, số 0004464, ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

7. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Minh Tiến